



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ/BNN/TCCB ngày 10/03/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc cho phép Viện nghiên cứu Ngô được tách một bộ phận cơ sở vật chất lao động của Viện để thành lập Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô và Quyết định số 40/QĐ-VN-CN-TCHC ngày 02/06/2005 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Ngô về việc thành lập Công ty. Công ty cổ phần hoá theo Quyết định số 4311/QĐ-BNN-GLDN ngày 08/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô thành Công ty Cổ phần. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500468572 ngày 01/10/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 27 tháng 05 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là:

- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng cây hằng năm khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Vốn điều lệ của công ty là 49.909.000.000 VNĐ

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 phố Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lãi/lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 8.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch
Ông Dương Anh Quân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Mạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mai	Tổng Giám đốc khối Ngô
------------------	------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mai
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ
Trụ sở: Phòng 802, CT2B Lê Đức Thọ,
Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4) 3787 2182 * Fax: (84-4) 3787 2183
Email: audit@fadacom.vn
Website: www.fadacom.vn

Số: 12... .. /2023/BCTC/FADACOM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM), đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 06/03/2023, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

Trụ sở: Phòng 802, CT2B Lê Đức Thọ,
Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4) 3787 2182 * Fax: (84-4) 3787 2183

Email: audit@fadacom.vn
Website: www.fadacom.vn

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

GIÁP ĐĂNG KHOA

Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1423-2023-226-1

HOÀNG MẠNH KƯƠNG

Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2025-2023-226-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	100		32.358.992.710	32.433.836.542
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.306.137.126	5.754.233.784
1. Tiền	111		3.306.137.126	5.754.233.784
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.416.062.854	5.492.214.993
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.204.093.012	4.549.440.709
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	660.000.000	582.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	945.699.842	754.504.284
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(393.730.000)	(393.730.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	6.572.265.426	13.187.387.765
1. Hàng tồn kho	141		6.572.265.426	13.187.387.765
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.527.304	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		64.527.304	-
B. Tài sản dài hạn	200		36.818.692.873	38.865.484.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.657.550.293	7.664.404.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.592.247.055	4.176.326.034
- Nguyên giá	222		13.519.319.576	13.519.319.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.927.072.521)	(9.342.993.542)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.065.303.238	3.488.078.106
- Nguyên giá	228		6.800.000.000	6.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.734.696.762)	(3.311.921.894)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	28.000.000.000	28.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.000.000.000	28.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.161.142.580	3.201.080.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.161.142.580	3.201.080.060
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.177.685.583	71.299.320.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
I	2	3	4	5
C. Nợ phải trả	300		3.273.492.375	5.279.646.327
I. Nợ ngắn hạn	310		2.973.492.375	4.979.646.327
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	768.621.378	1.755.633.169
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	54.556.153	33.201.646
4. Phải trả người lao động	314		495.428.995	669.148.851
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	85.850.400	462.525.213
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		620.041.507	768.923.506
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		948.993.942	1.290.213.942
II. Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		300.000.000	300.000.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. Vốn chủ sở hữu	400		65.904.193.208	66.019.674.415
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	65.904.193.208	66.019.674.415
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		49.909.000.000	49.909.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	411a		49.909.000.000	49.909.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.145.400.000	10.145.400.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		126.584.022	126.584.022
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.612.077.888	1.612.077.888
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.307.240.457	2.307.240.457
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.803.890.841	1.919.372.048
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.177.685.583	71.299.320.742



Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 03 năm 2023



Hoàng Thị Mai
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.552.494.000	50.249.790.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.305.108.900	7.854.658.500
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	27.247.385.100	42.395.132.300
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15.457.254.925	27.736.618.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.790.130.175	14.658.514.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	672.440.802	133.203.005
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.761.651.000	2.864.495.205
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.456.200.048	3.309.448.625
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.345.887.465	6.631.711.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.898.832.464	1.986.061.578
11. Thu nhập khác	31		-	2.925.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	2.925.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.898.832.464	1.988.986.578
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	94.941.623	69.614.530
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.803.890.841	1.919.372.048
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		361	385



Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mai
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.176.199.539	37.086.807.054
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10.564.032.919)	(12.137.921.426)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.135.717.565)	(4.776.446.440)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(67.945.205)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(50.000.000)	(70.575.698)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.000.000.000	4.371.641.984
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.363.716.068)	(17.487.911.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(937.267.013)	6.917.649.034
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.857.700)	(100.177.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		534.122.994	51.731.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		520.265.294	(48.445.228)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.031.094.939)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.031.094.939)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.448.096.658)	4.869.203.806
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	5.754.233.784	885.029.978
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.306.137.126	5.754.233.784



Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mai
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ/BNN/TCCB ngày 10/03/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc cho phép Viện nghiên cứu Ngô được tách một bộ phận cơ sở vật chất lao động của Viện để thành lập Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô và Quyết định số 40/QĐ-VN-CN-TCHC ngày 02/06/2005 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Ngô về việc thành lập Công ty. Công ty cổ phần hoá theo Quyết định số 4311/QĐ-BNN-GLDN ngày 08/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô thành Công ty Cổ phần. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500468572 ngày 01/10/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 27 tháng 05 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là:

- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Vốn điều lệ của công ty là 49.909.000.000 VNĐ. Cụ thể:

	Vốn điều lệ theo GDKKD		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á	33,818,000,000	68%	33,818,000,000	68%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	2,210,000,000	4%	2,210,000,000	4%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ	3,210,000,000	6%	3,210,000,000	6%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	2,206,000,000	4%	2,206,000,000	4%
Ông Trần Thắm Tuấn	1,648,000,000	3%	1,648,000,000	3%
Cổ đông khác	6,817,000,000	14%	6,817,000,000	14%
Tổng cộng	49,909,000,000	100%	49,909,000,000	100%

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 phố Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Trong năm tài chính 2022, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự kiến thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn cho phép ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình***Chi phí nghiên cứu và triển khai***

Toàn bộ chi phí về các hoạt động nghiên cứu, trừ những chi phí thỏa mãn điều kiện được vốn hóa trong chi phí chờ phân bổ, được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp chỉ được ghi nhận nếu thỏa mãn được tất cả các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- Tài sản vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Doanh nghiệp có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó; và
- Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình.

Khấu hao chi phí triển khai đã được vốn hóa được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không thực hiện trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.

Chi phí trả trước

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa không quá 3 năm. Bao gồm:

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;
- Chi phí thành lập doanh nghiệp;
- Chi phí đào tạo nhân viên;
- Công cụ dụng cụ xuất dụng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;

Chi phí phải trả và trích trước

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản dở dang được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa/ được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ đã xảy ra, doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới), được đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó, và chắc chắn về sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng bên quy định trong Giấy phép Đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số tiền dư gốc và lãi suất áp dụng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Trong năm 2022, Công ty không có các nghiệp vụ liên quan đến tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V.1 TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	132.010.999	160.578.039
Tiền gửi ngân hàng	3.174.126.127	5.593.655.745
Cộng	3.306.137.126	5.754.233.784

V.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty con				
Đầu tư vào đơn vị khác	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 05/04/2019 vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam là 280.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam góp 28.000.000.000 đồng tương đương 10% cổ phần. Trong năm 2022, Công ty chưa phản ánh kết quả của khoản đầu tư này vào tình hình tài chính của mình, cũng như chưa có Báo cáo của người đại diện phần vốn giải trình giá trị hiện có và tình hình biến động của khoản đầu tư này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.204.093.012	4.549.440.709
Nguyễn Kim Thuận	393.730.000	393.730.000
Công ty Cổ phần thương mại Thái Thành	1.792.060.250	2.310.195.895
Đối tượng khác	18.302.762	1.845.514.814
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>2.204.093.012</u>	<u>4.549.440.709</u>

V.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	660.000.000	582.000.000
Bộ môn chọn tạo giống ngô -VNC Ngô	500.000.000	500.000.000
Nhà cung cấp khác	160.000.000	82.000.000
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	<u>660.000.000</u>	<u>582.000.000</u>

V.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Ngắn hạn	945.699.842	747.632.034
- Tạm ứng	89.750.000	30.000.000
- Phải thu khác ngắn hạn	855.949.842	717.632.034
Dài hạn	-	6.872.250
- Phải thu khác dài hạn	-	6.872.250
Cộng	<u>945.699.842</u>	<u>754.504.284</u>

V.6 HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.517.734.847	10.808.206.778
Thành phẩm	4.054.530.579	2.379.180.987
Hàng hóa	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>6.572.265.426</u>	<u>13.187.387.765</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>6.572.265.426</u>	<u>13.187.387.765</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I	Nguyên giá				
1	Tại ngày 01/01/2022	10.935.399.187	2.443.021.889	140.898.500	13.519.319.576
2	Tăng trong năm	-	-	-	-
	<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-	-
	<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	10.935.399.187	2.443.021.889	140.898.500	13.519.319.576
II	Hao mòn lũy kế				
1	Tại ngày 01/01/2022	7.039.515.179	2.176.829.863	126.648.500	9.342.993.542
2	Tăng trong năm	481.128.855	93.950.124	9.000.000	584.078.979
	<i>Trích khấu hao</i>	481.128.855	93.950.124	9.000.000	584.078.979
3	Giảm trong năm	-	-	-	-
	<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	7.520.644.034	2.270.779.987	135.648.500	9.927.072.521
III	Giá trị còn lại				
1	Tại ngày 01/01/2022	3.895.884.008	266.192.026	14.250.000	4.176.326.034
2	Tại ngày 31/12/2022	3.414.755.153	172.241.902	5.250.000	3.592.247.055

V.8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

TT	Khoản mục	Quyền tác giả giống ngô lai LVN61	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I	Nguyên giá			
1	Tại ngày 01/01/2022	6.800.000.000	-	6.800.000.000
2	Tăng trong năm	-	-	-
	<i>Mua sắm</i>	-	-	-
	<i>Tăng khác</i>	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-
	<i>Giảm khác</i>	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	6.800.000.000	-	6.800.000.000
II	Hao mòn lũy kế			
1	Tại ngày 01/01/2022	3.311.921.894	-	3.311.921.894
2	Tăng trong năm	422.774.868	-	422.774.868
	<i>Trích khấu hao</i>	422.774.868	-	422.774.868
	<i>Tăng khác</i>	-	-	-
3	Giảm trong năm	-	-	-
	<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-
	<i>Giảm khác</i>	-	-	-
4	Tại ngày 31/12/2022	3.734.696.762	-	3.734.696.762
III	Giá trị còn lại			
1	Tại ngày 01/01/2022	3.488.078.106	-	3.488.078.106
2	Tại ngày 31/12/2022	3.065.303.238	-	3.065.303.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	2.161.142.580	3.201.080.060
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	1.698.765.582	2.426.807.976
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	462.376.998	774.272.084
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>2.161.142.580</u>	<u>3.201.080.060</u>

V.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	768.621.378	1.755.633.169
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	-	990.731.500
Viện nghiên cứu ngô	652.377.378	607.349.669
Nhà cung cấp khác	116.244.000	157.552.000
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	<u>768.621.378</u>	<u>1.755.633.169</u>

V.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu 01/01/2022	Số phải nộp 01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu 31/12/2022	Số phải nộp 31/12/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế	-	33.201.646	515.093.682	558.266.479	64.527.304	54.556.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.614.530	94.941.623	50.000.000	-	54.556.153
Thuế thu nhập cá nhân	-	23.587.116	420.152.059	508.266.479	64.527.304	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>33.201.646</u>	<u>515.093.682</u>	<u>558.266.479</u>	<u>64.527.304</u>	<u>54.556.153</u>

V.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	85.850.400	462.525.213
- Chi phí bán hàng	85.850.400	326.260.800
- Chi phí trợ cấp thôi việc	-	16.848.000
- Chiết khấu thanh toán	-	119.416.413
Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	<u>85.850.400</u>	<u>462.525.213</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2021	49.909.000.000	10.145.400.000	126.584.022	1.612.077.888	2.307.240.457	1.118.729.973	65.219.032.340
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.919.372.048	1.919.372.048
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	1.919.372.048	1.919.372.048
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(1.118.729.973)	(1.118.729.973)
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Sử dụng chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.118.729.973)	(1.118.729.973)
Tại ngày 31/12/2021	49.909.000.000	10.145.400.000	126.584.022	1.612.077.888	2.307.240.457	1.919.372.048	66.019.674.415
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.803.890.841	1.803.890.841
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	1.803.890.841	1.803.890.841
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(1.919.372.048)	(1.919.372.048)
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Sử dụng chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.919.372.048)	(1.919.372.048)
Tại ngày 31/12/2022	49.909.000.000	10.145.400.000	126.584.022	1.612.077.888	2.307.240.457	1.803.890.841	65.904.193.208

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Vốn điều lệ theo GĐKKD		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á	33.818.000.000	68%	33.818.000.000	68%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	2.210.000.000	4%	2.210.000.000	4%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nha Hồ	3.210.000.000	6%	3.210.000.000	6%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	2.206.000.000	4%	2.206.000.000	4%
Ông Trần Thẩm Tuấn	1.648.000.000	3%	1.648.000.000	3%
Cổ đông khác	6.817.000.000	14%	6.817.000.000	14%
Tổng cộng	49.909.000.000	100%	49.909.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI.1 DOANH THU THUẦN VỀ HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Doanh thu	32.552.494.000	50.249.790.800
- Doanh thu bán hàng	32.552.494.000	50.249.790.800
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.305.108.900	7.854.658.500
- Chiết khấu thương mại	5.305.108.900	7.854.658.500
Doanh thu thuần	27.247.385.100	42.395.132.300

VI.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.457.254.925	27.736.618.285
Cộng	15.457.254.925	27.736.618.285

VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	672.440.802	133.203.005
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	672.440.802	133.203.005

VI.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Lãi tiền vay	-	67.945.205
Chiết khấu thanh toán	1.761.651.000	2.796.550.000
Cộng	1.761.651.000	2.864.495.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Chi phí nhân viên	1.078.721.079	1.376.041.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	422.774.868	422.774.868
Chi khác bằng tiền	954.704.101	1.510.632.343
Cộng	2.456.200.048	3.309.448.625

VI.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.344.538.576	3.507.759.567
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.268.270	797.063.550
Chi phí khấu hao TSCĐ	273.267.459	297.711.708
Thuế, phí và lệ phí	138.162.183	178.233.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.355.600	295.083.037
Chi khác bằng tiền	1.434.295.377	1.555.860.000
Cộng	6.345.887.465	6.631.711.612

VI.7 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 10 % thu nhập tính thuế.

Công ty là doanh nghiệp khoa học công nghệ nên được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.898.832.464	1.988.986.578
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận (lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	1.898.832.464	1.988.986.578
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.898.832.464	1.988.986.578
Thuế suất ưu đãi theo TT 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012	5%	5%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	94.941.623	99.449.329
Thuế TNDN được miễn 30% theo Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021	-	29.834.799
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	94.941.623	69.614.530

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

VII.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan còn bao gồm thành viên nhân sự quản lý chủ chốt của đơn vị hoặc của Công ty mẹ và thành viên trong gia đình của các bên liên quan

Theo đó, các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung
Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ
Công ty Cổ phần giống cây trồng Nông Tín

Trong năm 2022, Công ty có số dư và các giao dịch với bên liên quan như sau:

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	Cổ đông	Mua hàng	2.588.750.000
Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ	Cổ đông	Mua hàng	3.996.485.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	Cổ đông	Bán hàng	271.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải trả 31/12/2022</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung	Cổ đông	Trả trước cho người bán	160.000.000
Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ	Cổ đông		-

VII.2 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

VII.3 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

VII.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á.

VII.5 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 06 tháng 03 năm 2023.



Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Ngày 06 tháng 03 năm 2023



Hoàng Thị Mai
Tổng Giám đốc